

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)

- Mã chứng khoán: EIB

- Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: (028) 38279067

- E-mail: vphdqt@eximbank.com.vn

- Website: <https://www.eximbank.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố: Ngày 21/07/2023, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Eximbank ban hành Nghị quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 để trả cổ tức bằng cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Eximbank năm 2023 thông qua ngày 14/4/2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/7/2023 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn/thongtinkhac>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số 248/2023/EIB/NQ-HĐQT.



Võ Văn Dũng

.....PHCM.....ngày.....21.....tháng.....07.....năm.....2023


Số: 248.../2023/EIB/NQ-HDQT

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”);
- Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HDQT”) Eximbank;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Eximbank ngày 15/02/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ hai của Eximbank ngày 14/02/2023;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Eximbank ngày 14/04/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 180/2023/EIB/NQ-HDQT ngày 26/5/2023 của HDQT;
- Căn cứ Tờ trình ngày 20/07/2023 của Ban điều hành về việc sửa đổi, bổ sung phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 để trả cổ tức bằng cổ phiếu;
- Căn cứ kết quả biểu quyết với 05/05 phiếu tán thành của các Thành viên HDQT tại Biên bản kiểm phiếu - Phiếu biểu quyết số 12 - phiên họp HDQT nhiệm kỳ VII (2020 – 2025) lần thứ 10 ngày 20/07/2023;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 để trả cổ tức bằng cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Eximbank năm 2023 thông qua ngày 14/4/2023 (Phương án đính kèm).

Giao Chủ tịch HDQT ký Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ. 

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 180/2023/EIB/NQ-HĐQT ngày 26/5/2023 của Hội đồng quản trị như sau:

“Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ, các nội dung chính như sau:


1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam.
2. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Mã chứng khoán: EIB, niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (“HOSE”).
5. Mức Vốn điều lệ trước khi phát hành: 14.814.048.590.000 đồng.
6. Tổng số lượng cổ phiếu hiện hành (bao gồm cổ phiếu quỹ): 1.481.404.859 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.475.314.859 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu quỹ: 6.090.000 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
7. Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Đính kèm Phụ lục I).
8. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: Từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Đính kèm Phụ lục II).
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 265.556.675 cổ phiếu.
10. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 2.655.566.750.000 đồng.
11. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 1.746.961.534 cổ phiếu.
12. Tổng giá trị dự kiến sau khi phát hành theo mệnh giá: 17.469.615.340.000 đồng.
13. Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi phát hành: 1.740.871.534 cổ phiếu.
14. Mức Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 17.469.615.340.000 đồng.
15. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ.
16. Đối tượng phát hành: Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Eximbank tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày

chốt quyền của Eximbank đối với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ. Các cổ đông này được hưởng quyền theo quy định của pháp luật.

17. Tỷ lệ phát hành: 18% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm phát hành sẽ được nhận số cổ phần mới tối đa là 18 cổ phần).
18. Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
19. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Trước ngày 31/10/2023.
20. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: Vào ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 197 cổ phần, khi đó cổ đông A sẽ được nhận số cổ phần trả cổ tức tương ứng là $197 \times 18\% = 35,46$ cổ phần.

Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 35 cổ phần.

21. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: không có.
22. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: không có.
23. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Tỷ lệ 6,48% so với Vốn điều lệ theo danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại thời điểm ngày 30/06/2023 theo Phụ lục III đính kèm.
24. Thay đổi dự kiến về cơ cấu sở hữu: Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm.
25. Phương thức phân phối:
Đối với chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký.
Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt (chi tiết được thông báo sau).
26. Lưu ký và niêm yết bổ sung: Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSD”) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán thành Phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo đúng quy định của pháp luật.” 

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nội dung trước đây trái với Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Tổng giám đốc, Ban triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 để trả cổ tức bằng cổ phiếu tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành. *kh*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: Văn phòng HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *kh*
CHỦ TỊCH



Đỗ Hà Phương

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN VỀ QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ, THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN, LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI VÀ CÁC QUỸ KHÁC (xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng lẻ
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	A	866.236
2	Thặng dư vốn cổ phần	B	156.322
3	Lợi nhuận để lại lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2022	C	5.439.529
4	Các quỹ khác, trong đó:	D=E+F	1.690.610
4.1	Quỹ đầu tư phát triển	E	326
4.2	Quỹ dự phòng tài chính	F	1.690.284

PHỤ LỤC II

NGUỒN SỬ DỤNG ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng lẻ
1	Lợi nhuận để lại lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	A	3.186.808
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2022	B	2.944.377
3	Trích lập các quỹ trong năm 2022, trong đó:	C=D+E+F	691.656
3.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm 2018, 2019, 2020, 2021 (*)	D	250.000
3.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2022 (5%)	E=B*5%	147.219
3.3	Quỹ dự phòng tài chính năm 2022 (10%)	F=B*10%	294.437
4	Lợi nhuận để lại lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	G=A+B-C	5.439.529
5	Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 (**)	H	2.458.820
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế) (***)	I=B*7%	200.000
7	Lợi nhuận để lại lũy kế đến năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	J=G-H-I	2.780.709
8	Chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Eximbank ngày 14/4/2023	K	2.655.567
9	Tỷ lệ		18%
10	Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức (****)	L=J-K	125.142

(*) Trong năm 2022, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Eximbank ngày 27 tháng 5 năm 2022 Ngân hàng thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 250.000 triệu đồng, mức trích này tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

(**) Trong năm 2023, Eximbank đã hoàn tất thủ tục chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 với tỷ lệ 20%.

(***) Trong năm 2023, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Eximbank ngày 14 tháng 4 năm 2023 Ngân hàng thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 200.000 triệu đồng, mức trích này tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

(****) Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức được giữ lại để củng cố và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

PHỤ LỤC III

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên cổ đông nước ngoài	Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 30/06/2023)		Dự kiến sau khi tăng vốn	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	33.496.800	2,26%	39.526.224	2,26%
3	Các cổ đông nước ngoài khác	62.501.077	4,22%	73.751.271	4,22%
	Tổng cộng	95.997.877	6,48%	113.277.495	6,48%

PHỤ LỤC IV
THAY ĐỔI DỰ KIẾN VỀ CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	Cổ đông <i>(không bao gồm cổ phiếu quỹ)</i>	Trước khi phát hành (Tính đến ngày 30/06/2023)		Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
				Phát hành 18%		Dự kiến sau khi phát hành
		Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Số CP	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn	0	0,00	0	0	0,00
2	Cổ đông nhà nước	74.850.365	5,07	13.473.066	88.323.431	5,07
3	Cổ đông khác	1.400.464.494	94,93	252.083.609	1.652.548.103	94,93
	TỔNG	1.475.314.859	100,00	265.556.675	1.740.871.534	100,00

.....TP.HCM..... ngày...21...tháng...07.....năm...2023

PHƯƠNG ÁN

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI LŨY KẾ CÁC NĂM TRƯỚC (ĐẾN CUỐI NĂM 2021) VÀ LỢI NHUẬN CỦA NĂM 2022 SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank
- Tên viết tắt: Eximbank
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Toà nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38210056 Fax: (08) 38216913
- Website: www.eximbank.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/07/1992, cấp thay đổi lần thứ 29 ngày 13/04/2023.
- Giấy phép hoạt động số 0011/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06 tháng 04 năm 1992. Điều chỉnh bổ sung ngày 10/04/2023 theo Quyết định số 602/QĐ-NHNN.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác;
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân;
 - Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của các tổ chức và cá nhân dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng;

- Thực hiện các giao dịch ngoại tệ các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu; trái phiếu và các giấy tờ có giá khác;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

2.1 Căn cứ pháp lý

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/08/2019;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Eximbank;
- Các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán có liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

2.2 Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về cơ cấu lại ngành ngân hàng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) định hướng chiến lược phát triển đến năm 2025 là ngân hàng phát triển bền vững và tăng năng lực tài chính. Cụ thể theo Quyết định 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt đề án “*Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025*” định hướng mục tiêu vốn điều lệ đối với nhóm Ngân hàng thương mại trong nước có tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh, quy mô lớn thì Vốn điều lệ tối thiểu đạt 15.000 tỷ đồng. Sau khi Eximbank hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 thì hiện nay Vốn điều lệ mới đạt quy mô 14.814 tỷ đồng. Do vậy, Eximbank cần thiết phải tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo đạt mức vốn điều lệ mục tiêu theo tinh thần của Quyết định 689/QĐ-TTg.

Về khía cạnh quản lý rủi ro, Eximbank đã đáp ứng yêu cầu của NHNN về quản lý rủi ro theo Basel II. Trong thời gian qua, Hệ số an toàn vốn hợp nhất của Eximbank luôn đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Một trong các trụ cột quan trọng của việc áp dụng Basel II là mức độ đủ vốn, để đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện mức yêu cầu vốn nội bộ, Eximbank đã cơ bản hoàn thiện các yêu cầu của ICAAP và áp dụng chính thức theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN. Ngoài 3 rủi ro trọng yếu đã được đánh giá tại trụ cột 1 khi tính Hệ số an toàn vốn là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động thì Eximbank cần xác định và tính toán mức vốn bổ sung cho một số rủi ro trọng yếu khác như rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Do đó trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước liên tục diễn biến phức tạp Eximbank rất cần phải bổ sung Vốn điều lệ (VDL) để đảm bảo an toàn hoạt động trong trường hợp có diễn biến bất lợi, đáp ứng kế hoạch kinh doanh và khẩu vị rủi ro, duy trì mục tiêu phát triển bền vững.

Ngoài ra, VDL là chỉ số quan trọng trong xem xét, đánh giá cấu trúc vốn của các ngân hàng khi xem xét đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Trong thời gian tới việc tăng quy mô VDL cũng sẽ tạo điều kiện để Eximbank mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, tiếp tục tăng trưởng tín dụng an toàn hiệu quả để hỗ trợ khách hàng, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh sau Covid-19, cũng như đầu tư cho các dự án chuyển đổi để nâng cao năng lực quản trị và hoạt động của ngân hàng đồng thời đảm bảo an toàn vốn, an toàn hoạt động của Eximbank.

Do đó, Eximbank cần phải tiếp tục thực hiện tăng VDL để từng bước hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

2.3 Tổng quan về phương án tăng vốn điều lệ

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam
- **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng trên một cổ phiếu)
- **Mã chứng khoán:** EIB niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE)
- **Mức Vốn điều lệ trước khi phát hành:** 14.814.048.590.000 đồng
- **Tổng số lượng cổ phiếu hiện hành (bao gồm cổ phiếu quỹ):** 1.481.404.859 cổ phiếu
 - (i) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.475.314.859 cổ phiếu
 - (ii) Số lượng cổ phiếu quỹ: 6.090.000 cổ phiếu
 - (iii) Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có
 - (iv) Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có
- **Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác** được xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Đính kèm Phụ lục I).
- **Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:** Từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Đính kèm Phụ lục II).
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm** : 265.556.675 cổ phiếu;
- **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá** : 2.655.566.750.000 đồng;
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành** : 1.746.961.534 cổ phiếu;
- **Tổng giá trị dự kiến sau khi phát hành theo mệnh giá** : 17.469.615.340.000 đồng;
- **Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi phát hành:** 1.740.871.534 cổ phiếu;
- **Mức Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành** : 17.469.615.340.000 đồng;
- **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ.
- **Đối tượng phát hành:** Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Eximbank tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày chốt quyền của Eximbank đối với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ. Các cổ đông này được hưởng quyền theo quy định của pháp luật.

- **Tỷ lệ phát hành:** 18% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm phát hành sẽ được nhận số cổ phần mới tối đa là 18 cổ phần)
- **Mục đích phát hành:** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- **Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:** trước 31/10/2023.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: Vào ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 197 cổ phần, khi đó cổ đông A sẽ được nhận số cổ phần trả cổ tức tương ứng là $197 \times 18\% = 35,46$ cổ phần.

Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 35 cổ phần.

- **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** không có.
- **Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** không có.
- **Thông tin tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Tỷ lệ 6,48% so với Vốn điều lệ theo danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại thời điểm ngày 30/06/2023 theo Phụ lục III đính kèm.
- **Thay đổi dự kiến về cơ cấu sở hữu:** Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm.
- **Phương thức phân phối:**
 - Đối với chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt (chi tiết được thông báo sau).
- **Lưu ký và niêm yết bổ sung:** Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSD”) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo đúng quy định của pháp luật.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM, KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

3.1 Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Eximbank trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Dự kiến sử dụng cho các lĩnh vực sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ: xây dựng trụ sở làm việc, mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư công nghệ và tài sản cố định;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh của Eximbank.

3.2 Khả năng quản trị vốn sau khi tăng vốn điều lệ

- Quy mô VDL tăng lên đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của Eximbank cũng phải tăng lên tương ứng.

- Tính đến thời điểm hiện tại, HĐQT Eximbank gồm 05 thành viên có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của Eximbank.

- Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động của Eximbank. Một số thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách, do đó, tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả. HĐQT đóng vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và định hướng hoạt động lâu dài cho Eximbank, chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Ban Điều hành của Eximbank có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt và thực thi đúng định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ban Điều hành có nhiệm vụ cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được ngân hàng đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho HĐQT các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Eximbank.

- Ban Kiểm soát của Eximbank có 03 thành viên. Việc kiểm soát tính tuân thủ được thực hiện bởi đội ngũ kiểm soát viên, đội ngũ nhân viên giám sát tuân thủ rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và kiểm toán nội bộ của Eximbank.

- Hệ thống công nghệ thông tin tại của Eximbank hiện đại, các quy trình quản lý được tin học hóa, nối mạng toàn hệ thống đáp ứng yêu cầu cao của công tác quản lý.

3.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

- Việc tăng VDL là cơ sở để Eximbank nâng cao năng lực tài chính phù hợp với quy mô kinh doanh, bảo đảm phát triển bền vững, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành ngân hàng Việt Nam hiện nay, hỗ trợ cho Eximbank thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh trong những năm tới.

- Căn cứ vào kế hoạch tăng vốn và kế hoạch kinh doanh 2023, Eximbank dự kiến một số chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2023 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Kế hoạch 2023	% Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	185.056	210.000	13,5%
2	Huy động vốn ⁽ⁱ⁾	148.615	165.000	11%
3	Dư nợ tín dụng ⁽ⁱⁱ⁾	130.851	146.600	12%
4	Tỷ lệ nợ xấu	1,80%	≤ 1,6%	
5	Lợi nhuận trước thuế	3.709	5.000	34,8%

(i) Bao gồm Tiền gửi khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá.

(ii) Bao gồm Cho vay khách hàng và Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Với kế hoạch kinh doanh nêu trên, dự kiến Eximbank sẽ tiếp tục đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Lấy ý kiến cổ đông thông qua phương án tăng vốn;
- HĐQT tiến hành các thủ tục cần thiết để có ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Tiến hành việc tăng vốn sau khi được phê duyệt với các bước theo quy định;
- Tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung;
- Tiến hành thủ tục sửa đổi mức VDL tại Giấy phép;
- Đăng ký VDL mới tại Sở Kế hoạch & đầu tư TP. Hồ Chí Minh và thực hiện sửa đổi Điều lệ (điều khoản quy định về Vốn điều lệ), báo cáo / công bố thông tin theo quy định, thực hiện niêm yết bổ sung;
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: trước 31/10/2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hà Phương

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN VỀ QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ, THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN, LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI VÀ CÁC QUỸ KHÁC (xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng lẻ
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	A	866.236
2	Thặng dư vốn cổ phần	B	156.322
3	Lợi nhuận để lại lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2022	C	5.439.529
4	Các quỹ khác, trong đó:	D=E+F	1.690.610
4.1	Quỹ đầu tư phát triển	E	326
4.2	Quỹ dự phòng tài chính	F	1.690.284



PHỤ LỤC II

NGUỒN SỬ DỤNG ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (xác định trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng lẻ
1	Lợi nhuận để lại lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	A	3.186.808
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2022	B	2.944.377
3	Trích lập các quỹ trong năm 2022, trong đó:	C=D+E+F	691.656
3.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm 2018, 2019, 2020, 2021 (*)	D	250.000
3.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2022 (5%)	E=B*5%	147.219
3.3	Quỹ dự phòng tài chính năm 2022 (10%)	F=B*10%	294.437
4	Lợi nhuận để lại lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	G=A+B-C	5.439.529
5	Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 (**)	H	2.458.820
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế) (***)	I=B*7%	200.000
7	Lợi nhuận để lại lũy kế đến năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	J=G-H-I	2.780.709
8	Chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Eximbank ngày 14/4/2023	K	2.655.567
9	Tỷ lệ		18%
10	Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức (****)	L=J-K	125.142

(*) Trong năm 2022, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Eximbank ngày 27 tháng 5 năm 2022 Ngân hàng thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 250.000 triệu đồng, mức trích này tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

(**) Trong năm 2023, Eximbank đã hoàn tất thủ tục chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 với tỷ lệ 20%.

(***) Trong năm 2023, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Eximbank ngày 14 tháng 4 năm 2023 Ngân hàng thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 200.000 triệu đồng, mức trích này tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

(****) Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức được giữ lại để củng cố và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

PHỤ LỤC III

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên cổ đông nước ngoài	Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 30/06/2023)		Dự kiến sau khi tăng vốn	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	33.496.800	2,26%	39.526.224	2,26%
3	Các cổ đông nước ngoài khác	62.501.077	4,22%	73.751.271	4,22%
	Tổng cộng	95.997.877	6,48%	113.277.495	6,48%

PHỤ LỤC IV
THAY ĐỔI DỰ KIẾN VỀ CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	Cổ đông (không bao gồm cổ phiếu quỹ)	Trước khi phát hành (Tính đến ngày 30/06/2023)		Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
				Phát hành 18%		Dự kiến sau khi phát hành
		Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Số CP	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn	0	0,00	0	0	0,00
2	Cổ đông nhà nước	74.850.365	5,07	13.473.066	88.323.431	5,07
3	Cổ đông khác	1.400.464.494	94,93	252.083.609	1.652.548.103	94,93
	TỔNG	1.475.314.859	100,00	265.556.675	1.740.871.534	100,00